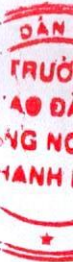


THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
Tuần 6: từ ngày 21/09/2026 đến ngày 27/09/2026

THỨ LỚP	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY					
K11-DVTY P.E303	Sáng	DD và thức ăn CN (Phượng) B101	Trồng trọt cơ bản (Thọ) B101	Dược lý (Duyên) B101	Giống vật nuôi (Vân) B101
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hưng) Giải phẫu SLVN (Hằng)	Tin học (Trường) TH 3	GD Chính trị (Quế)	DD và thức ăn CN (Phượng) B101
K12-DVTY P.E303	Sáng				
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà) Giải phẫu SLVN (Hằng)	Tin học (Trường) TH 3	GD Chính trị (Quế)	Tiếng Anh (Linh)
K10-KTDN P.E305	Sáng	Kế toán DN 2 (Dung) CSDT	TH KT trong DNSX (Mai) CSDT	Kế toán DN 2 (Dung) E305	TH KT trong DNSX (Mai) CSDT
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) Kế toán DN 2 (Dung) E203	TH KT trong DNSX (Mai) E203	TH KT trong DNSX (Mai) E203	Kế toán DN 2 (Dung) E203
K11-KTDN P.E305	Sáng	Lý thuyết TCTT (C.Thảo)	Kinh tế vi mô (Thuý)	Kế toán DN 2 (Dung)	Kế toán DN 2 (Dung)
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) Kế toán DN 2 (Dung)	Nguyên lý thống kê (Hoa) TH 3	Tin học (Trường)	GD Chính trị (Quế)
K12-KTDN P.E305	Sáng	Lý thuyết TCTT (C.Thảo)	Kinh tế vi mô (Thuý)		
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) Kỹ năng mềm (Son)	Nguyên lý thống kê (Hoa) TH 3	Tin học (Trường)	GD Chính trị (Quế)
K12-DCN P.E305 Ghép với ĐCN66B2	Sáng	Sinh hoạt lớp (Giáp) Thiết bị điện GD (Giáp)	GD chính trị (Tài) GD thể chất (Quang)	An toàn điện (Hoà) Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	GD chính trị (Tài) GD thể chất (Quang)
	Chiều				
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY					
TT65A1 P.TH	Sáng				
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hương) Khí tượng NN (Huyền)	Cây công nghiệp (Thọ) 3	Cây dược liệu (Huệ) 4	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4
TT66A1 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huệ) Chính trị (Quế)	Đất trồng - Phân bón (Bình) 3	Giống cây trồng (Huyền) 2	Tiếng anh (Linh) 4
	Chiều		Sinh lý thực vật(Huệ) 2	Côn trùng ĐC (Lịch) 2	Sinh lý thực vật(Huệ) 2

CN65A1 P.B306	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lê) 1 KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 3	Luật thú y (Nga) 2 Nuôi và PTB cho lợn (Hung) 2	Trồng trọt cơ bản (Lịch) 2 Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (Hằng Nga) 2	Nuôi và PTB cho trâu, bò 4 dê, thỏ (Hằng Nga) 2	Nuôi và PTB cho lợn (Hung) 2 KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 2	
CN65A3 P.B206	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Văn) 1 Trồng trọt cơ bản (Huệ) 3	KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 4	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (P. Phương) 4	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (P. Phương) 4	Nuôi và PTB cho lợn (Hằng Nga) 4	
CN66A1 P.B306	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huyền) 1 GD QP-AN (Mạnh) 3	Giải phẫu SLVN (Hằng) 2 DD và TẢ chăn nuôi (Phương) 2	Kỹ Thuật truyền giống (Hằng) 2 Giải phẫu SLVN (Hằng) 2	Dược lý thú y (Lê) 4	GD Chính trị (Quế) 2 Dược lý thú y (Lê) 2	
	Chiều						
CN66A3 P.B206	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Dược lý thú y (Duyên) 3	DD và TẢ chăn nuôi (Phương) 2 Giải phẫu SLVN (H.Nga) 2	Kỹ Thuật truyền giống (Lê) 2 GD Chính trị (Quế) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Giải phẫu SLVN (H.Nga) 2 Dược lý thú y (Duyên) 2	
	Chiều						
LN65A P.B102	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Bảo vệ rừng (Tuyệt) 3	Khai thác gỗ, tre, nứa (Hùng) 4	Bảo vệ rừng (Tuyệt) 4	Trồng và chăm sóc rừng (Hùng) 4	Trồng cây công nghiệp (Thọ) 4	
KTDN65A1 P.E203	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Dung) 1 Kế toán DN 2 (Dung) 3	TH KT trong DNSX (Mai) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	
KTDN65A2 P.E304	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (C.Thảo) 1 Thông kê DN (Thủy) 3	Thực hành KT trong DNSX (T. Thảo) 4	Kế toán NS xã, phường (Hoa) 4	Thuế (Cao Thảo) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4	
KTDN65B CSDT	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (T.Thảo) 1 KT NS xã, phường (T Thảo) 3	Thông kê DN (Dung) 4	Thông kê DN (Dung) 4	Kế toán DN 2 (Mai) 4	Thực hành KT trong DNSX (T. Thảo) 4	
KTDN66A1 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Thủy) 1 Tiếng anh (Linh) 3	Tiếng anh (Linh) 4	Nguyên lý thống kê (Hoa) 2 Lý thuyết TCTT (C.Thảo) 2	Lý thuyết KT (C. Thảo) 2 Kinh tế vi mô (Thủy) 2	Tin học (Tâm) TH2 2	
	Chiều						
KTDN66B CSDT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Mai) 1 Lý thuyết TCTT (Ng. Mai) 3	Tin học (Quang) 4	GD thể chất (Quang) 4	Lý thuyết KT (T.Thảo) 4	Tiếng Anh (T.Nhung) 4	
	Chiều						
CNTT65A1 TH1	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hà) 1 QT CSDL với Access(Phuong) 3	XD phần mềm QL bán hàng (Hà) 4	Lập trình Window (Thảo) 4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang) 4	XD phần mềm QL bán hàng (Hà) 4	
CNTT65A2 TH2	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Phương) 1 XD phần mềm QL bán hàng (Hà) 3	QT CSDL với Access(Phuong) 4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang) 4	Hệ điều hành Windows Server (Tâm) 4	QT CSDL với Access(Phuong) 4	



CNTT66A1 TH1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tâm)</i> Tin học (Tâm)	1 3	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tin học VP (Phuong)	4	Kỹ năng mềm (Son) E303	4	Tiếng anh (Linh) E303	4
	Chiều										
CNTT66A2 TH2	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Son)</i> Tin học (Phuong)	1 3	Tiếng anh (K.Nhung) PTH1	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tin học VP (Phuong)	4	Tiếng anh (K.Nhung) PTH1	4
	Chiều										
CNTT66A3 P.TH3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> Cấu trúc máy tính (Hà)	1 3	Kỹ năng mềm (Hoa) E303	4	Tiếng anh (Linh) E303	4	CD thể chất (Hoi)	4	Tin học VP (Phuong)	4
	Chiều										
CNTT66A5 P.TH Tầng 1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phuong)</i> Kỹ năng mềm (Son)	1 3	Tin học (Phuong)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4
	Chiều										
CNTT66A4 CSDT	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> Cấu trúc máy tính (Quang)	1 3	Tin học (Quang)	4	GD thể chất (Quang)	4	Tin học VP (Tâm)	4	Tiếng Anh (T.Nhung)	4
	Chiều										
DCN65A1 P.E104	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Đ. Đức)</i> KTML và ĐHKK (Giáp)	1 3	Cung cấp điện (H. Anh)	4	Thiết bị điện GD (Tuấn)	4	KTML và ĐHKK (Giáp)	4	Cung cấp điện (H. Anh)	4
DCN65A2 P.E103	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> Cung cấp điện (P. Anh)	1 3	KTML và ĐHKK (Giáp)	4	Kỹ thuật điện tử (P. Anh)	4	Cung cấp điện (P. Anh)	4	KTML và ĐHKK (Giáp)	4
DCN65B2 P.E102	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (H. Anh)</i> Trang bị điện (Dương)	1 3	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4	Trang bị điện (Dương)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4
DCN65B3 P.E101	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> Trang bị điện (Nga)	1 3	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Thiết bị điện GD (Tuấn)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4
DCN 65B1 CSDT	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Ng. Đức)</i> Thiết bị điện GD (Huân)	1 3	Trang bị điện (Đ. Đức)	4	Trang bị điện (Đ. Đức)	4	Kỹ thuật điện tử (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (Nga)	4
DCN66A1 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> An toàn điện (Huyền)	1 3	Pháp luật (Huyền)	2	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Đ.Đức)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền)	4
	Chiều			GD chính trị (Tài)	2						
DCN66A2 P.E204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> Thiết bị điện GD (Tuấn)	1 3	GD QP-AN (Mạnh)	4	GD thể chất (Thủy)	4	An toàn điện (Huyền)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà)	4
	Chiều										
DCN66A3 P.E201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> An toàn điện (Hoà)	1 3	GD chính trị (Quê)	2	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền)	4	Pháp luật (Huyền)	2	Thiết bị điện GD (Dương)	4
	Chiều			Pháp luật (Huyền)	2			GD thể chất (Hà)	2		

ĐCN66A4 P.E202	Sáng	Sinh hoạt lớp (P. Anh)	1	GD thể chất (Hà)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4
		An toàn điện (P. Anh)	3								
	Chiều										
ĐCN66B2 P.E203	Sáng	Sinh hoạt lớp (Giáp)	1	GD chính trị (Tài)	2	An toàn điện (Hoà)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD chính trị (Tài)	2
		Thiết bị điện GD (Giáp)	3	GD thể chất (Quang)	2					GD thể chất (Quang)	2
	Chiều										
ĐCN 66B1 CSDT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương)	1	Pháp luật (Nga)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4
		An toàn điện (Ng. Đức)	3								
	Chiều										
CBBQ65	Sáng										
		Sinh hoạt lớp (Liên)	1	Chế biến lạnh đông TS (Năm)	4	Kỹ thuật điện (Năm)	4	Chế biến nước mắm (Liên)	4	Quản lý chất lượng thủy sản (Liên)	4
	Chiều	Chế biến nước mắm (Liên)	3								
NTTS 66	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ánh)	1	Pháp luật (Nga)	4	ATLD trong nuôi thủy sản (Liên)	4	Khảo sát TKCT nuôi thủy sản (Ánh)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4
		Thủy sinh vật (Ánh)	3								
	Chiều										
KTM TT65	Sáng										
		Sinh hoạt lớp (Năm)	1	Động cơ đốt trong (Đồng)	4	BD, SC thiết bị trên boong (Trung)	4	Khai thác máy phụ tàu thủy (Đồng)	4	Luật hàng hải (Trung)	4
	Chiều	Tự động MTT (Đồng)	3								
KTM TT 66	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm)	1	Pháp luật (Nga)	4	Môi trường và bảo vệ MT thủy (Ánh)	4	Lý thuyết tàu (Trung)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4
		Vẽ kỹ thuật (Trung)	3								
	Chiều										
ĐKTB65	Sáng										
		Sinh hoạt lớp (Ánh)	1	Khai thác vận hành MTT	4	Khí tượng hải dương (Tiến)	4	Khai thác vận hành MTT	4	Tin học hàng hải (Quang)	4
	Chiều	Tiếng anh CN (T.Nhung)	3	(Trung)			(Trung)				
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN											
THỨ		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật	
LỚP											
TT65A2	Sáng	Cây dược liệu (Thọ)	4	Sinh hoạt lớp (Bình)	1	Cây rau (Huyền)	4				
				Bệnh cây chuyên khoa (Huyền)	3						
P.B102	Chiều	Chế biến bảo quản STH (Bình)	4	Khí tượng nông nghiệp (Huyền)	4	Côn trùng đại cương (Huệ)	4				
CN65A2	Sáng	Trồng trọt cơ bản (Bình)	4	Sinh hoạt lớp (Phượng)	1	Luật thú y (P. Nga)	4				
				CD và ĐTH thú y (Vân)	3						
CN66A2	Chiều	Kỹ sinh trùng TY (Phượng)	4	Quản trị kinh doanh (Thúy)	4	KTN-PTB trâu, bò... (Hưng)	4				
P.B101											



THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 21/09/2026 đến ngày 27/09/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH64B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hằng)</i>	1 Hoá (Doan)	2 Văn (Hằng)	3 GDKTPL (Đ.Thuý)	4 Toán (Nhưng)
		Vật lý (Son)	3 Lịch sử (Hà)	2 CD Văn (Hằng)	1 Địa lý (Thuý)	2
VH64B3 B301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i>	1 GDKTPL (Đ.Thuý)	2 Toán (Quý)	4 Văn (Hường)	3 Lịch sử (Dự)
		Hoá học (Vân)	3 Vật lý (Hoà)	2	CD Văn (Hường)	1
VH64B4 B302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i>	1 Toán (Nhưng)	4 Lịch sử (Lý)	2 Hoá học (Hà)	3 Văn (H.Hà)
		Địa lý (Nga)	2	Vật lý (Hoà)	2 GDKTPL (Chính)	2 CD Văn (H.Hà)
VH64B5 B303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dự)</i>	1 Lịch sử (Dự)	4 Văn (Hường)	3 Vật lý (Hoà)	4 Toán (Dương)
		GD KTPL (Nga)	3	CD Văn (Hường)	1 Hoá học (Hà)	2
VH64B6 B304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Hà)</i>	1 Toán (Quý)	4 Lịch sử (Hằng)	2 CD Địa lý (Lực)	4 GDKTPL (Nga)
		Văn (H.Hà)	3	Hoá học (Hà)	2	
VH64B8 B305	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phiên)</i>	1 GDKTPL (Thắm)	4 Hoá (Vân)	2 Văn (Hằng)	4 Toán (Quý)
		Sinh học (Phượng)	3	Lịch sử (Lý)	2 CD Văn (Hằng)	1
VH65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Thuý)</i>	1 Lịch sử (Hà)	2 Toán (Hương)	4 Địa lý (Thuý)	3 Văn (Hằng)
		GDKTPL (Đ.Thuý)	2 Hoá (Doan)	2	Vật lý (Son)	2 CD Văn (Hằng)
VH65B2 B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i>	1 Toán (Dương)	4 GDKTPL (Đ.Thuý)	2 Văn (H.Hà)	3 Lịch sử (Dự)
		Vật lý (Hoà)	3	Địa lý (Nga)	2 CD Văn (H.Hà)	1 Hoá học (Vân)
VH65B3 B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Quý)</i>	1 Vật lý (Hoà)	2 Lịch sử (Dự)	2 Văn (Ngô Hà)	3 GDKTPL (Chính)
		Toán (Quý)	3 Địa lý (Nga)	2 Hoá (Vân)	2 CD Văn (Ngô Hà)	1 CD GDKTPL (Chính)
VH65B5 B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lực)</i>	1 Vật lý (Trung)	2 Văn (Ngô Hà)	3 Lịch sử (Dự)	4 Toán (Quảng)
		Địa lý (Lực)	3 Sinh (Phượng)	2 CD Văn (Ngô Hà)	1 GDKTPL (Nga)	2
VH65B6 B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thắm)</i>	1 Sinh học (Phượng)	2 Sinh học (Phượng)	2 Toán (Quý)	3 Văn (Ngô Hà)
		Vật lý (Trung)	3 Địa lý (Lực)	2 Lịch sử (Hằng)	2 GDKTPL (Thắm)	1 CD Văn (Ngô Hà)



VH65B7 B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> GDKTPL (Chính)	1 3	Văn (Hường) CD Văn (Hường)	3 1	Địa lý (Lực) Sinh học (Phượng)	2 2	Lịch sử (Hằng) Toán (Quý)	2 2	Vật lý (Trung) CD Sử (Hằng)	2 2
VH65B8 B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hường)</i> Văn (Hường)	1 3	GDKTPL (Chính) CD GDKTPL (Chính)	2 2	Toán (Dương)	4	Sinh học (Hồng) Lịch sử (Hằng)	2 2	Hóa học (Văn) Sinh học (Hồng)	2 2
VH65B9 B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hồng)</i> Sinh học (Hồng)	1 3	Địa lý (Nga) Hóa học (Văn)	2 2	Văn (H. Hà) CD Văn (H. Hà)	3 1	Toán (Dương)	4	Lịch sử (Hằng) GDKTPL (Thắm)	2 2
VH66B1	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Nhưng)</i> Toán (Nhưng) Vật lý (Sơn)	1 1 2	Hóa (Doan) Lịch sử (Hà)	2 2	GDKTPL (Quý) CD GDKTPL (Quý)	2 2	Văn (Ngô Hà) Toán (Nhưng)	2 2	Địa lý (Thủy) Văn (Ngô Hà)	2 2
VH66B2	Chiều	Vật lý (Sơn) Toán (Nhưng) <i>Sinh hoạt lớp (Nhưng)</i>	2 1 1	Lịch sử (Hà) Hóa (Doan)	2 2	Toán (Nhưng)	4	GDKTPL (Đ. Thủy) Văn (Ngô Hà)	2 2	Văn (Ngô Hà) Địa lý (Thủy)	2 2
VH66B3 E301	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (K. Nhung)</i> Toán (Quỳnh)	1 3	Văn (Mai Anh) CD Văn (Mai Anh)	3 1	Lịch sử (Hằng) CD Sử (Hằng)	2 2	Địa lý (Phượng) GDKTPL (Chính)	2 2	Vật lý (Trung) Hóa học (Văn)	2 2
VH66B4 E302	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mạnh)</i> Văn (Mai Anh)	1 3	Địa lý (Nga) CDGDKTPL (Chính)	2 2	GDKTPL (Chính) Vật lý (Trung)	2 2	Lịch sử (Thủy) Hóa học (Văn)	2 2	Toán (Quảng)	4
VH66B5 B201	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> Văn (Thư)	1 3	Toán (Quảng)	4	Địa lý (Nga) Hóa (học (Văn)	2 2	Lịch sử (Hằng) CD Sử (Hằng)	2 2	GDKTPL (Thắm) Vật lý (Trung)	2 2
VH66B6 B202	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (P. Nga)</i> GDKTPL (P. Nga)	1 3	Địa lý (Lực) Vật lý (Trung)	2 2	Toán (Quỳnh)	4	Văn (Mai Anh) CD Văn (Mai Anh)	3 1	Địa lý (Lực) Lịch Sử (Hằng)	2 2
VH66B7 B203	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> Toán (Dương)	1 3	Vật lý (Trung) Sinh học (Hồng)	2 2	Văn (Thư) CD Văn (Thư)	3 1	GDKTPL (Thắm) CDGDKTPL (Thắm)	2 2	Lịch sử (Dư) Địa lý (Phượng)	2 2
VH66B8 B204	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hội)</i> Vật lý (Trung)	1 3	Lịch sử (Dư) GDKTPL (Thắm)	2 2	Toán (Quảng)	4	Lịch sử (Dư) Văn (Thư)	2 2	Địa lý (Phượng) Sinh học (Hồng)	2 2
VH66B9 B205	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hồng)</i> Sinh học (Hồng)	1 3	Toán (Quỳnh)	4	Vật lý (Hoà) GDKTPL (Thắm)	2 2	Văn (Thư) Lịch sử (Thủy)	2 2	Văn (Thư) CD Vật lý (Hoà)	2 2
VH66B10 B103	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> Hóa học (Hà) CD Hóa (Hà)	1 2 1	Địa lý (Phượng) GDKTPL (Thủy)	2 2	Văn (Mai Anh) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Quảng)	4	Lịch Sử (Thủy) CD Sử (Thủy)	2 2
VH66B11 B104	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quý)</i> GDKTPL (Quý)	1 3	Văn (Thư) Địa lý (Phượng)	2 2	Lịch sử (Thủy) CD Sử (Thủy)	2 2	Toán (Quỳnh) Hóa học (Hà)	2 2	Sinh học (Hồng) Văn (Thư)	2 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH HÓA

Đoàn Văn Lưu